

Bản án số: **64/2024/HSST**

Ngày 05/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà T Nữ Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Đồi

Bà Phạm Thị Bích Lệ

Thư ký phiên tòa: Ông Bá Văn Nhân -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Mỹ Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2024/HSST, ngày 03/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HS ngày 24/5/2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 22/TB-TA, ngày 06/6/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1984, tại tỉnh Bình Thuận

ĐKHKTT: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị B1; Anh, chị, em ruột: có 08 người, bị cáo là con thứ hai; Chồng: Lương Văn D; Con: 03 con, lớn nhất sinh năm 2004 nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: không.

Ngày 07/11/2023, Cơ quan điều tra bắt bị cáo để tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Bình và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bùi Thị Hồng N, sinh năm 1999

Địa chỉ: Khu vực Đ xã P huyện B, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

Người làm chứng: Nguyễn Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Tỉnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T quen biết Nguyễn Thị Bích Ngọc vào tháng 08/2022, T nói với Ngọc biết ai có tiền chỉ cho T mượn 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) đáo hạn Ngân hàng trong vòng 10 ngày (T nói dối mượn đáo hạn Ngân hàng chứ thực tế T không có đáo hạn Ngân hàng) thì Ngọc nói để hỏi thử. Nguyễn Thị Bích Ngọc quen biết Bùi Thị Hồng N, biết N có tiền nên Ngọc hỏi N có cho mượn tiền đáo hạn Ngân hàng không, cho T mượn 200.000.000 đồng để T đáo hạn Ngân hàng trong vòng 10 ngày thì N đồng ý, Ngọc báo lại cho T biết là N đồng ý cho T mượn tiền, có gì T liên lạc với N.

Vào ngày 16/8/2022, thông qua sự giới thiệu của Ngọc, T liên lạc với N mượn số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) của N, N bảo phải thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì T đồng ý. Do lúc này T bị bệnh nằm Bệnh viện nên T nhờ em họ của T tên Nguyễn Văn Tỉnh đến nhà T lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của T (chưa xác định được thông tin cụ thể của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), Tỉnh mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đến nhà N đại diện cho T thực hiện giao dịch, N gọi điện thoại cho Ngọc đến nhà N để chứng kiến việc N cho T mượn tiền, Tỉnh viết giấy vay tiền và thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của T cho N làm tin để nhận số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 200.000.000 đồng từ N thì Tỉnh chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào số tài khoản của T, T sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân. Đến hạn trả nợ, N gọi điện thoại đòi tiền, T đã trả cho N nhiều lần tổng cộng số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), còn nợ lại 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Trong thời gian này N liên tục gọi điện thoại đòi tiền nên T nảy sinh ý định lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của T mà Tỉnh đã thế chấp cho N trước đó và chiếm đoạt luôn số tiền 170.000.000 đồng còn nợ của N. T liên hệ với N đề nghị cho T nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Tỉnh đã đưa thế chấp cho N trước đó, T sẽ chuyển nhượng cho N quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 628106, tờ bản đồ số 102, thửa đất số 02, diện tích 128,2m², tọa lạc tại khu phố Lương Nam, thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình đứng tên Nguyễn Thị T (mà trước đó T đã chuyển nhượng cho Dương Thị Thảo với số tiền 470.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi

triệu đồng) và đã được công chứng sang tên cho Dương Thị Thảo vào ngày 29/11/2022 tại Văn phòng Công chứng Lương Sơn) với giá 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để cân trừ số nợ 200.000.000 đồng mà T mượn của N thì N đồng ý. Ngày 08/12/2022, N đi cùng với Ngọc đến nhà T, T đưa hợp đồng đặt cọc cho Ngọc ghi thông tin với nội dung Nguyễn Thị T bán cho Bùi Thị Hồng N thửa đất số 02, tờ bản đồ số 102, diện tích 128,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 628106 (Ngọc ghi nhầm CH 01738) với giá 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), trong 30 ngày T phải ra công chứng chuyển nhượng cho N (hợp đồng có chữ ký xác nhận của T, N, Ngọc). Quá thời gian thỏa thuận nhưng T vẫn không ra công chứng chuyển nhượng cho N theo cam kết mà cố tình trốn tránh nên N tìm hiểu thì được biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 628106 đã được chuyển nhượng cho Dương Thị Thảo, N liên lạc với T thì T tắt điện thoại liên lạc và trốn khỏi địa phương nên N làm đơn tố giác T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Bình.

Cùng thời gian trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Bình nhận được đơn tố giác của những người: Trần Thị Thu Hương, sinh năm: 1984, nơi cư trú: Khu phố Lương Trung, thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình; Nguyễn Thị Hà, sinh năm: 1980, nơi cư trú: Thôn Tân Hòa, xã Sông Bình, huyện Bắc Bình; Nguyễn Thị Tố Như, sinh năm: 1980, nơi cư trú: Khu phố Lương Trung, thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình; Nguyễn Văn Quang, sinh năm: 1984, nơi cư trú: Thôn T Kiệt, xã Phan T, huyện Bắc Bình; Võ Chánh Hào, sinh năm: 1980, nơi cư trú: Khu phố Lương Trung, thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình; Hồ Thị Tiên, sinh năm: 1992, nơi cư trú: Khu phố Lương Nam, thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình; Đặng Khương Duy, sinh năm: 1985, nơi cư trú: Khu phố Lương Trung, thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình; Nguyễn Thị Hồng, sinh năm: 1994, nơi cư trú: Khu phố Lương Trung, thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình; Dương Thị Thảo, sinh năm: 1977, nơi cư trú: Khu phố Lương Nam, thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình cùng tố giác vợ chồng Lương Văn Dũng, sinh năm: 1980 và Nguyễn Thị T, sinh năm: 1984 cùng cư trú tại thôn T Bình, xã Sông Bình, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận có hành vi gian dối trong việc lập giấy mua bán, hợp đồng đặt cọc, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (một số hợp đồng chuyển nhượng có xác nhận của Nguyễn Văn Thông - Cán bộ địa chính xã Sông Bình; Nguyễn Văn Sanh- Phó Chủ tịch UBND xã Sông Bình; Lê Trường Long - Chủ tịch UBND xã Sông Bình) để chiếm đoạt tiền của các cá nhân nêu trên. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa làm rõ số tiền, diện tích đất mà Nguyễn Thị T chiếm đoạt của từng cá nhân nêu trên và động cơ, mục đích của Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Văn Sanh, Lê Trường Long trong việc trực tiếp ký xác nhận chứng thực chữ ký đối với các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để Nguyễn Thị T thực hiện trót

lọt việc chiếm đoạt tiền của các cá nhân nêu trên. Vì vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Vợ chồng ông Vũ Văn Tre, sinh năm 1977 và bà Đào Thị Thơm, sinh năm 1979, cùng cư trú tại khu phố Bắc Sơn, thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình tổ giãc vợ chồng Lương Văn Dũng, sinh năm: 1980 và Nguyễn Thị T, sinh năm: 1984 cùng cư trú tại thôn T Bình, xã Sông Bình, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Qua điều tra xác định: Vào ngày 20/4/2022, vợ chồng ông Dũng và bà T có mượn của bà Thơm số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), hai bên viết giấy vay mượn tiền và bà T đưa cho bà Thơm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà T đứng tên để làm tin. Đến ngày 20/5/2022, bà T và bà Thơm thỏa thuận bán đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà T đã đưa cho bà Thơm để cân trừ số nợ, bà T còn nợ bà Thơm 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Trong thời gian này, ông Lê Văn Sang có nhờ bà T làm giúp thủ tục chuyển mục đích sử dụng đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 742340, thửa đất số 07, tờ bản đồ số 08, diện tích 20.000m², mục đích sử dụng là cây hàng năm khác đứng tên ông Lê Văn Sang. Sau khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Sang, bà T nắm giữ, đến tháng 6/2022, bà T đề nghị bà Thơm cho bà T đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Văn Sang cho bà Thơm để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà T mà bà T đưa cho bà Thơm trước đó, bà Thơm đồng ý, hiện nay bà Thơm vẫn đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Văn Sang. Xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Bắc Bình, hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Thơm giữ vẫn đứng tên Lê Văn Sang, chưa chuyển nhượng sang tên cho người khác. Vì vậy, hành vi của bà T không có dấu hiệu tội phạm cho nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà T là phù hợp.

Về phần dân sự: Bùi Thị Hồng N yêu cầu Nguyễn Thị T trả lại số tiền còn nợ 170.000.000 đồng mà T đã chiếm đoạt, hiện nay T chưa trả.

Về tang, vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ, gồm:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/12/2019 có chữ ký xác nhận của Trần Thị Thu Hương, Nguyễn Thị T, Lương Văn Dũng, Lê Trường Long, chữ ký và chữ viết Nguyễn Văn Thông (Bản chính);
- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/12/2019 có chữ ký xác nhận của Hồ Thị Tiên, Hồ Thị Mỹ T, Nguyễn Thị T (Bản chính);

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/02/2020 có chữ ký xác nhận của Võ Chánh Hào, Nguyễn Thị T, Lương Văn Dũng, Lê Trường Long (Bản chính);

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/7/2021 có chữ ký xác nhận của Bùi Văn Đua, Nguyễn Thị T, Lương Văn Dũng, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Văn Sanh (Bản chính);

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/6/2022 có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị T, Lương Văn Dũng, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Văn Sanh (Bản chính)

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/7/2022 có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị T, Lương Văn Dũng, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Văn Sanh (Bản chính);

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/9/2022 có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị T, Lương Văn Dũng, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Văn Sanh (Bản chính);

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/8/2022 có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị Tố Như, Nguyễn Thị T, Lương Văn Dũng, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Văn Sanh (Bản chính);

- Giấy mua bán đất ngày 04/9/2022 có chữ ký xác nhận của Nguyễn Văn Quang, Nguyễn Thị T, Lương Văn Dũng, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Văn Sanh (Bản chính);

- Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/6/2021 có chữ ký xác nhận của Đặng Khương Duy, Nguyễn Thị T, Lương Văn Dũng, chữ viết của Đỗ Quốc Triều (Bản chính);

- Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/12/2022 có chữ ký xác nhận của Bùi Thị Hồng N, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Nguyễn Thị T (Bản chính);

Cơ quan điều tra chuyển Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/12/2022 có chữ ký xác nhận của Bùi Thị Hồng N, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Nguyễn Thị T (Bản chính) theo hồ sơ tách vụ án đề nghị truy tố đối với Nguyễn Thị T; đối với giấy mua bán đất, hợp đồng đặt cọc, hợp đồng chuyển nhượng còn lại Cơ quan điều tra lưu giữ tại hồ sơ điều tra để tiếp tục giải quyết theo quy định.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, màu đen, có gắn sim số 0969679785 thu giữ của Nguyễn Thị T. Qua điều tra xác định đây là phương tiện Nguyễn Thị T dùng để liên lạc, không liên quan đến tội phạm. Cơ quan điều tra sẽ

chuyển vào kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình bảo quản chờ xử lý.

Bản cáo trạng số 47/CT-VKS-HBB ngày 02/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị T, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và tranh luận vẫn giữ N cáo trạng và đề nghị áp dụng:

- Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T, mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Biện pháp tư pháp:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015

Trả lại cho bị cáo T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, màu đen, có gắn sim số 0969679785 thu giữ của Nguyễn Thị T vì không liên quan đến vụ án.

Về phần dân sự:

Căn cứ: Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho bị hại bà Bùi Thị Hồng N số tiền 170.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai, bị cáo rất hối hận mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra – Công an huyện Bắc Bình, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại và tại phiên tòa bị cáo và bị hại cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ và hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị Nguyễn Thị T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo khẳng định những lời khai của mình trong quá trình điều tra vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không bị bức cung, ép cung và cáo trạng truy tố là hoàn toàn đúng, không oan. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thị T để có tiền tiêu xài nên nói dối với Bùi Thị Hồng N cho T mượn số tiền 200.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, N tin là thật nên đồng ý. Sau đó, T đã trả cho N số tiền 30.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại 170.000.000 đồng T có ý định chiếm đoạt nên ngày 08/12/2022, T lập hợp đồng đặt cọc giả chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 628106 đứng tên Nguyễn Thị T (nhưng T đã chuyển nhượng cho Dương Thị Thảo vào ngày 29/11/2022) để lừa Bùi Thị Hồng N chiếm đoạt số tiền nợ còn lại 170.000.000 đồng thì bị N phát hiện.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Thị T là công dân có đầy đủ năng lực, trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý dùng thủ đoạn gian dối lập hợp đồng đặt cọc giả chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 628106 đứng tên Nguyễn Thị T (nhưng T đã chuyển nhượng cho Dương Thị Thảo vào ngày 29/11/2022) để lừa Bùi Thị Hồng N nhằm chiếm đoạt số tiền nợ còn lại 170.000.000 đồng hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương nên cần xử lý thỏa đáng đúng tính chất mức độ và hậu quả việc phạm tội của bị cáo.

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo trên cơ sở cân nhắc các tình tiết của vụ án xét thấy rằng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành người tốt, công dân có ích cho xã hội, đồng thời qua đó nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về xử lý vật chứng:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, màu đen, có gắn sim số 0969679785 Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo T vì không liên quan đến vụ án.

[5] Về phân bồi thường dân sự: Bị hại Bùi Thị Hồng N yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị T trả lại số tiền 170.000.000 đồng, bị cáo đồng ý với yêu cầu của bị

hại, đây là sự tự nguyện nên ghi nhận sự tự nguyện này, buộc bị cáo Nguyễn Thị T trả lại cho bị hại Bùi Thị Hồng N số tiền là 170.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 03 (Ba) năm tù, thời gian ở tù tính từ ngày 07/11/2023

Về phần dân sự:

Căn cứ: Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T trả lại cho bị hại Bùi Thị Hồng N số tiền **170.000.000** đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Biện pháp tư pháp:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Trả lại cho bị cáo T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, màu đen, có gắn sim số 0969679785

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/6/2024 giữa Công an huyện Bắc Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp **200.000** đồng án phí hình sự sơ thẩm và **8.500.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND (tỉnh + huyện);
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS.

T Nữ Kiều Oanh